

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 8967
	Giờ: Ngày 22 tháng 3 năm 12

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Gas Petrolimex cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Kiên	Chủ tịch
Ông Trần Văn Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Á Phi	Ủy viên
Ông Đoàn Văn Thu	Ủy viên
Ông Dương Văn Cơ	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2011)
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2011)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Á Phi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2012

Số: *NC94* /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Gas Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 03 đến trang 28. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gas Petrolimex tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 3 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Minh Hiền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1286/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		467.992.688.210	599.820.182.513
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	45.472.547.085	151.872.520.736
1. Tiền	111		45.472.547.085	101.872.520.736
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	50.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	6.627.917.800	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		20.377.064.426	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(13.749.146.626)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		333.758.897.600	343.637.309.406
1. Phải thu khách hàng	131		100.837.052.138	123.623.905.335
2. Trả trước cho người bán	132		12.498.607.127	5.342.615.833
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	7	223.290.293.970	217.208.131.339
4. Các khoản phải thu khác	135	8	7.039.621.111	7.603.390.237
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.906.676.746)	(10.140.733.338)
IV. Hàng tồn kho	140	9	78.474.074.948	100.730.834.398
1. Hàng tồn kho	141		78.474.074.948	100.730.834.398
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.659.250.777	3.579.517.973
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		725.650.664	389.622.486
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.561.252.135	2.449.242.598
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		340.058.888	340.058.889
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		32.289.090	400.594.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		496.647.932.781	461.980.899.395
I. Tài sản cố định	220		252.256.857.521	224.061.703.093
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	180.426.008.871	162.844.700.204
- Nguyên giá	222		258.202.210.935	223.401.772.278
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.776.202.064)	(60.557.072.074)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	7.077.156.120	14.013.803.511
- Nguyên giá	228		10.065.532.368	16.992.295.838
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.988.376.248)	(2.978.492.327)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	64.753.692.530	47.203.199.378
II. Bất động sản đầu tư	240	13	21.539.749.811	-
- Nguyên giá	241		23.236.755.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.697.005.189)	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		129.247.081.712	149.884.595.782
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	121.987.708.826	121.987.708.826
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	5.000.000.000	25.377.064.426
3. Đầu tư dài hạn khác	258	16	6.215.250.557	6.663.096.819
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.955.877.671)	(4.143.274.289)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		93.604.243.737	88.034.600.520
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	93.604.243.737	86.998.781.948
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	1.035.818.572
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		964.640.620.991	1.061.801.081.908

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		396.523.512.519	512.321.750.897
I. Nợ ngắn hạn	310		365.480.111.198	488.588.022.135
1. Vay ngắn hạn	311	18	125.089.303.377	184.809.106.560
2. Phải trả người bán	312		160.203.742.739	219.202.766.577
3. Người mua trả tiền trước	313		2.192.472.784	2.602.880.313
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	9.193.501.338	12.903.668.004
5. Phải trả người lao động	315		13.655.725.357	16.627.792.944
6. Chi phí phải trả	316		23.593.912.940	4.084.601.546
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	29.543.030.421	46.754.861.818
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.008.422.242	1.602.344.373
II. Nợ dài hạn	330		31.043.401.321	23.733.728.762
1. Phải trả dài hạn khác	333	21	29.930.070.650	23.205.600.405
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		594.848.171	528.128.357
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		518.482.500	-
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		568.117.108.472	549.479.331.011
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	568.117.108.472	549.479.331.011
1. Vốn điều lệ	411		344.466.990.000	264.998.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		76.180.770.000	129.164.270.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(49.700.000)	(49.700.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		105.650.833.010	99.502.636.970
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.257.000.000	10.257.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		29.611.215.462	45.606.894.041
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		964.640.620.991	1.061.801.081.908

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	31/12/2011	31/12/2010
Hàng hóa nhận ký gửi	VND	216.392.000	-

Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.560.760.404.533	2.282.867.775.613
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		415.295.655	542.654.965
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	2.560.345.108.878	2.282.325.120.648
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	2.370.546.712.094	2.102.335.813.869
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		189.798.396.784	179.989.306.779
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	52.901.092.832	38.879.586.533
7. Chi phí tài chính	22	27	70.177.266.703	20.535.352.376
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.326.085.375	9.200.958.816
8. Chi phí bán hàng	24		116.942.746.070	130.768.794.901
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		31.111.470.700	20.537.916.499
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		24.468.006.143	47.026.829.536
11. Thu nhập khác	31	28	7.055.822.557	40.302.002.924
12. Chi phí khác	32	29	876.794.666	40.997.956.414
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		6.179.027.891	(695.953.490)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		30.647.034.034	46.330.876.046
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	-	1.222.304.318
16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	52		1.035.818.572	(498.318.572)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		29.611.215.462	45.606.890.300

Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(Theo phương pháp gián tiếp)**MẪU SỐ B 03-DN**
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	30.647.034.034	46.330.876.046
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	20.231.135.242	17.439.491.025
Các khoản dự phòng	03	13.394.413.230	4.469.660.741
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	438.319.665	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(52.776.910.977)	(37.671.952.819)
Chi phí lãi vay	06	18.326.085.375	9.200.958.816
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	30.260.076.569	39.769.033.809
Biến động các khoản phải thu	09	3.186.196.881	(55.336.036.270)
Biến động hàng tồn kho	10	22.256.759.450	2.586.615.605
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(54.830.157.594)	61.462.149.262
Biến động chi phí trả trước	12	(6.941.489.967)	1.199.064.287
Tiền lãi vay đã trả	13	(18.160.319.554)	(9.072.684.724)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(336.975.498)	(1.383.315.172)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	7.690.799.007	8.456.426.888
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.936.648.758)	(6.834.977.889)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.811.759.464)	40.846.275.796
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(69.795.080.188)	(23.730.109.071)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(5.000.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	57.437.596.349	2.631.138.303
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.357.483.839)	(26.098.970.768)

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	1.586.704.606.202	940.458.015.480
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.646.862.729.050)	(829.880.303.212)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.072.607.500)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(73.230.730.348)</i>	<i>110.577.712.268</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</i>	50	<i>(106.399.973.651)</i>	<i>125.325.017.296</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	151.872.520.736	26.547.503.440
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	45.472.547.085	151.872.520.736

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 1.450.796.666 đồng (năm 2010: 1.164.625.000 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Trần Văn Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2012



Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Thời điểm bàn giao sang Công ty cổ phần là ngày 01 tháng 01 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 04 tháng 5 năm 2011 với số vốn điều lệ 344.466.990.000 đồng.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,36% vốn điều lệ.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vô bình gas); kiểm định, bảo dưỡng các loại vô bình gas.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 515 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 493 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty với báo cáo tài chính của Chi nhánh Gas Petrolimex Hà Nội và thực hiện bù trừ các khoản mục công nợ phải thu, phải trả và doanh thu, giá vốn nội bộ giữa hai đơn vị này.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 31.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán và được Công ty dự định thanh lý trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính.

Tại ngày cuối năm tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 năm đối với quyền sử dụng đất và giá trị xây lắp (thời gian hiệu lực còn lại của quyền sử dụng đất) và 10 năm đối với máy móc thiết bị.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng của Công ty theo giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản đầu tư chứng khoán, được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán của các công ty đã niêm yết, giá trị dự phòng được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá giao dịch bình quân thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giao dịch trên thị trường giao dịch không chính thức (OTC hoặc Upcom), giá trị dự phòng được Công ty xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và mệnh giá chứng khoán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được phân bổ hết, tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác có thời hạn lớn hơn một năm.

Tiền thuê đất trả trước là giá trị tiền thuê đất để xây dựng Kho gas Đình Vũ với số tiền 24.856.249.290 đồng, trong thời hạn 488 tháng và được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Công ty áp dụng tỷ giá bán ra bằng chuyển khoản của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (được chấp thuận bởi Bộ Tài chính tại Công văn số 1916/BTC-CKT ngày 20 tháng 02 năm 2009 về việc áp dụng tỷ giá hối đoái trong hạch toán kế toán tại Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam - nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) để chuyển đổi các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán ra Đồng Việt Nam.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	3.344.108.760	2.572.225.494
Tiền gửi ngân hàng	42.128.438.325	99.115.295.242
Tiền đang chuyển	-	185.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	-	50.000.000.000
	45.472.547.085	151.872.520.736

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex	20.377.064.426	-
	20.377.064.426	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(13.749.146.626)	-
	6.627.917.800	-

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011, Công ty sẽ thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex. Công ty đã gửi thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để công bố thực hiện việc chào bán toàn bộ số cổ phiếu nắm giữ tại Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex từ ngày 26 tháng 7 đến ngày 23 tháng 9 năm 2011, tuy nhiên tới ngày 31 tháng 12 năm 2011, chưa có nhà đầu tư nào chấp thuận mua lại số cổ phiếu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty trình bày khoản đầu tư này như một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và lập dự phòng theo giá trị thị trường của cổ phiếu.

7. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu các Công ty con (Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ)		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	50.726.297.665	53.195.712.511
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	51.122.907.522	46.656.565.504
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	93.455.203.709	92.113.948.991
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	27.985.885.074	25.241.904.333
	223.290.293.970	217.208.131.339

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu cổ tức	-	4.748.853.221
Phải thu gas rời với khách hàng thuê đồng bình	3.266.171.697	18.616.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.289.090	370.594.000
Phải thu ngắn hạn khác	3.771.160.324	2.465.327.016
	7.039.621.111	7.603.390.237

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	309.184.183	1.296.750.000
Nguyên liệu, vật liệu	2.643.531.900	4.476.125.650
Hàng hóa	75.521.358.865	94.957.958.748
Cộng	78.474.074.948	100.730.834.398
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	78.474.074.948	100.730.834.398

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	173.777.237.869	27.913.336.173	20.199.288.119	1.511.910.117	223.401.772.278
Mua sắm mới	427.338.733	8.073.093.617	338.809.093	981.375.432	9.820.616.875
Xây dựng cơ bản hoàn thành	21.068.750.049	5.362.042.248	-	-	26.430.792.297
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.059.767.997)	(290.000.000)	-	(1.349.767.997)
Giảm khác	-	(101.202.518)	-	-	(101.202.518)
Phân loại lại	14.175.000	311.051.233	(283.044.415)	(42.181.818)	-
Tại ngày 31/12/2011	195.287.501.651	40.498.552.756	19.965.052.797	2.451.103.731	258.202.210.935
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	31.664.130.173	17.079.646.046	10.902.235.475	911.060.380	60.557.072.074
Khấu hao trong năm	12.712.067.992	3.964.312.801	1.621.917.568	225.947.771	18.524.246.132
Thanh lý, nhượng bán	-	(935.586.142)	(290.000.000)	-	(1.225.586.142)
Giảm khác	-	(79.530.000)	-	-	(79.530.000)
Phân loại lại	32.256.357	172.388.864	(204.645.221)	-	-
Tại ngày 31/12/2011	44.408.454.522	20.201.231.569	12.029.507.822	1.137.008.151	77.776.202.064
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	150.879.047.129	20.297.321.187	7.935.544.975	1.314.095.580	180.426.008.871
Tại ngày 31/12/2010	142.113.107.696	10.833.690.127	9.297.052.644	600.849.737	162.844.700.204

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 21.169.926.855 đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2010: 19.948.432.775 đồng).

Giá trị xây dựng cơ bản hoàn thành trong năm là một phần của tòa nhà 322 Điện Biên Phủ. Phần còn lại của tòa nhà đã được cho thuê hoặc giữ với ý định cho thuê nên được ghi nhận ở khoản mục bất động sản đầu tư. Chi tiết tại Thuyết minh số 13.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	13.914.810.940	3.077.484.898	16.992.295.838
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(6.957.405.470)	-	(6.957.405.470)
Tăng khác	30.642.000	-	30.642.000
Tại ngày 31/12/2011	6.988.047.470	3.077.484.898	10.065.532.368
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	1.755.246.089	1.223.246.238	2.978.492.327
Trích khấu hao trong năm	191.401.938	759.375.996	950.777.934
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(940.894.013)	-	(940.894.013)
Tại ngày 31/12/2011	1.005.754.014	1.982.622.234	2.988.376.248
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	5.982.293.456	1.094.862.664	7.077.156.120
Tại ngày 31/12/2010	12.159.564.851	1.854.238.660	14.013.803.511

(*) Trong đó, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của lô đất tại 322 Điện Biên Phủ - Thành phố Hồ Chí Minh, được đánh giá lại theo Quyết định số 4450/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty được sử dụng lô đất này để xây dựng văn phòng với chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã hoàn thành cao ốc văn phòng tại 322 Điện Biên Phủ và đang cho thuê hoặc giữ với ý định cho thuê một phần của tòa nhà này. Giá trị quyền sử dụng đất tương ứng được phân loại lại sang Bất động sản đầu tư (xem Thuyết minh số 13).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Cao ốc văn phòng 322 Điện Biên Phủ (*)	5.146.349.021	22.511.075.896
Văn phòng tòa nhà MIPEC TOWER 229 Tây Sơn, HN	52.682.304.868	19.833.433.000
Tuyến ống nhập tàu kho gas Đình Vũ	4.296.819.889	-
Công trình kho gas Trá Nóc mở rộng	-	1.924.776.000
Các công trình khác	2.628.218.752	2.933.914.482
	64.753.692.530	47.203.199.378

(*) Công trình cao ốc văn phòng 322 Điện Biên Phủ được kết chuyển sang tài sản cố định và bất động sản đầu tư theo giá trị tạm quyết toán cho năm 2011. Giá trị còn lại phản ánh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" là giá trị các hạng mục phát sinh sau khi Công ty đã tạm tăng tài sản và sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị xây lắp VND	Máy móc, thiết bị VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2011	-	-	-	-
Tăng trong năm	-	11.621.000.927	4.658.348.603	16.279.349.530
Phân loại từ tài sản cố định vô hình	6.957.405.470	-	-	6.957.405.470
Tại ngày 31/12/2011	6.957.405.470	11.621.000.927	4.658.348.603	23.236.755.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2011	-	-	-	-
Trích khấu hao trong năm	61.680.000	218.648.368	475.782.808	756.111.176
Phân loại từ tài sản cố định vô hình	940.894.013	-	-	940.894.013
Tại ngày 31/12/2011	1.002.574.013	218.648.368	475.782.808	1.697.005.189
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	5.954.831.457	11.402.352.559	4.182.565.795	21.539.749.811
Tại ngày 31/12/2010	-	-	-	-

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất và các giá trị xây lắp, máy móc thiết bị đã đưa vào sử dụng của cao ốc văn phòng tại 322 Điện Biên Phủ, thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với diện tích Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Đà Nẵng	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Hồ Chí Minh	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Cần Thơ	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Hồ Chí Minh	51%	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas
Vốn đầu tư tại các công ty con		31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng		22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng		20.500.000.000	20.500.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn		57.000.000.000	57.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ		11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG		11.487.708.826	11.487.708.826
		121.987.708.826	121.987.708.826

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011, Công ty sẽ lên kế hoạch thoái vốn khỏi Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG. Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính, do Công ty chưa có kế hoạch cụ thể về việc thoái vốn này nên khoản đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG vẫn được trình bày như một khoản đầu tư vào công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty CP Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex (*)	-	20.377.064.426
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG (**)	5.000.000.000	5.000.000.000
	5.000.000.000	25.377.064.426
Dự phòng giảm giá đầu tư	(497.159.682)	(413.274.289)
	4.502.840.318	24.963.790.137

(*) Đã phân loại sang khoản đầu tư tài chính ngắn hạn như trình bày tại Thuyết minh số 6.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2011, Công ty sẽ lên kế hoạch thoái vốn khỏi Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG. Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính, do Công ty chưa có kế hoạch cụ thể về việc thoái vốn này nên khoản đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG vẫn được trình bày như một khoản đầu tư vào công ty liên doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã lập dự phòng cho khoản đầu tư này căn cứ vào giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG.

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	5.730.000.000	5.730.000.000
Đầu tư dài hạn khác	485.250.557	933.096.819
	6.215.250.557	6.663.096.819
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(3.458.717.989)	(3.730.000.000)
	2.756.532.568	2.933.096.819

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm khoản dự phòng giảm giá 100.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh với số tiền 1.848.717.989 đồng, được trích trên cơ sở chênh lệch giữa giá Công ty mua thực tế và giá thị trường của cổ phiếu và khoản dự phòng giảm giá 100.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Dệt may Hà Nội với số tiền 1.610.000.000 đồng, được trích trên cơ sở chênh lệch giữa giá Công ty mua thực tế và mệnh giá của cổ phiếu.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tiền thuê đất	Vô bình gas	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	22.200.349.045	64.188.671.934	609.760.969	86.998.781.948
Tăng trong năm	-	15.892.754.288	1.196.645.219	17.089.399.507
Phân bổ vào chi phí	(612.469.932)	(8.509.610.247)	(1.361.857.539)	(10.483.937.718)
Tại ngày 31/12/2011	21.587.879.113	71.571.815.975	444.548.649	93.604.243.737

Tiền thuê đất phản ánh giá trị hợp đồng thuê 3 ha đất tại khu Công nghiệp Đình Vũ - ký hiệu Cn 5.2, được trả trước cho Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ với thời gian thuê là 488 tháng, đến hết ngày 02 tháng 4 năm 2047.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	100.089.303.377	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	25.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	-	184.809.106.560
	125.089.303.377	184.809.106.560

- (i) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00122/2010/0003462 ngày 08 tháng 11 năm 2010 với mức dư nợ và mở thư tín dụng tối đa là 200 tỷ VND, gồm cả đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi. Khoản vay cho mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng lần giải ngân. Lãi suất hiện đang áp dụng với số dư nợ đồng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 16,7%/năm.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTD-NH/PGC ngày 06 tháng 6 năm 2011. Hạn mức cho vay ngắn hạn, bảo lãnh, mở thư tín dụng tối đa là 95 tỷ VND với mục đích bổ sung vốn lưu động. Mức lãi suất cho vay đang được áp dụng với số dư nợ đồng Việt Nam là 19%/năm.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số 100235/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 23 tháng 8 năm 2010 với hạn mức 450 tỷ VND, trong đó: hạn mức cho vay là 230 tỷ VND, hạn mức tài trợ thương mại là 450 tỷ VND, thời hạn cấp tín dụng của mỗi lần rút vốn sẽ đáo hạn tối đa không quá 3 tháng kể từ ngày rút vốn với trường hợp cho vay và không quá 60 ngày đối với trường hợp chiết khấu chứng từ hàng xuất khẩu, giải ngân bằng VND và USD. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Trong năm, Công ty đã thanh toán hết khoản vay này.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6.760.951.894	8.968.826.569
Thuế xuất, nhập khẩu	1.413.092.338	3.210.583.635
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	336.975.498
Thuế thu nhập cá nhân	1.019.457.106	387.282.302
	9.193.501.338	12.903.668.004

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải trả cổ tức	17.472.798.300	26.560.757.800
Tài sản thừa chờ giải quyết	715.255.827	5.261.549.133
Gas hóa lỏng vay trả	-	4.845.000.000
Kinh phí công đoàn, đoàn phí, bảo hiểm xã hội	1.731.407.669	1.465.950.026
Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG (*)	4.400.000.000	-
Phải trả phải nộp khác	5.223.568.625	8.621.604.859
	29.543.030.421	46.754.861.818

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2011, Công ty sẽ lên kế hoạch thoái vốn khỏi Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG đã ngừng hoạt động kinh doanh và chuyển một phần vốn về cho Công ty quản lý và được Công ty trình bày như một khoản phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được trong năm như sau:

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Số dư đầu năm	23.205.600.405	49.398.221.368
Nhận thêm ký cược, ký quỹ	9.631.824.306	12.136.077.848
Bàn giao cho các công ty con	-	(34.649.047.851)
Kết chuyển vào doanh thu (*)	(2.907.354.061)	(3.679.650.960)
Số dư cuối năm	29.930.070.650	23.205.600.405

(*) Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vỏ bình gas được xác định dựa trên số tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị vỏ bình xuất dùng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Biến động vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2010	264.998.230.000	129.164.270.000	(49.700.000)	92.918.876.291	8.257.000.000	43.353.386.564	538.642.062.855
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	45.606.890.300	45.606.890.300
Trả cổ tức bằng cổ phiếu thường	-	-	-	-	-	(26.496.470.000)	(26.496.470.000)
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	6.583.760.679	2.000.000.000	(16.156.912.823)	(7.573.152.144)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
Tại ngày 01/01/2011	264.998.230.000	129.164.270.000	(49.700.000)	99.502.636.970	10.257.000.000	45.606.894.041	549.479.331.011
Tăng vốn bằng cổ phiếu thường	79.468.760.000	(52.983.500.000)	-	-	-	-	26.485.260.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	29.611.215.462	29.611.215.462
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	6.136.982.300	2.000.000.000	(15.136.982.300)	(7.000.000.000)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(30.469.908.000)	(30.469.908.000)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	11.213.740	-	(3.741)	11.209.999
Tại ngày 31/12/2011	344.466.990.000	76.180.770.000	(49.700.000)	105.650.833.010	12.257.000.000	29.611.215.462	568.117.108.472

b. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Tỷ lệ	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam	52,36%	180.373.765.800	138.761.420.000
Vốn góp của các cổ đông khác	47,64%	164.093.224.200	126.236.810.000
	100,00%	344.466.990.000	264.998.230.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****c. Tăng vốn điều lệ**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 28 tháng 4 năm 2010, Đại hội đã nhất trí thông qua việc tăng vốn điều lệ, trong đó 26.496.470.000 đồng là cổ tức đợt 2 của năm 2009 (ghi nhận trên khoản mục "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác" tại ngày 31 tháng 12 năm 2010) và 52.999.650.000 đồng từ nguồn Thặng dư vốn cổ phần. Số cổ phiếu lẻ phát sinh từ giao dịch này được hạch toán hoàn nhập Thặng dư vốn cổ phần theo Quyết định số 057/PGC-QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Công ty. Vốn điều lệ thực tế tăng lên là 79.468.760.000 đồng. Ngày 04 tháng 5 năm 2011, số cổ phiếu đăng ký bổ sung nói trên được chấp thuận niêm yết trên thị trường chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 38/2006/GCNC-P-VSD-3 đăng ký thay đổi lần 3 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

d. Cổ tức

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2011 ngày 29 tháng 4 năm 2011, Đại hội đã nhất trí thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2010 là 10% theo vốn góp. Cổ tức dự định được chi trả toàn bộ bằng tiền mặt, số cổ tức chưa trả hiện đang được theo dõi trên khoản mục "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác".

e. Số cổ phiếu đang lưu hành

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 34.446.699 cổ phần (năm 2010: 26.499.823 cổ phần); trong đó, Công ty đang nắm giữ 3.353 cổ phiếu quỹ tương đương với 3.353 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

23. DOANH THU THUẢN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.545.899.366.765	2.267.793.669.836
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.538.388.052	10.851.799.852
Doanh thu ký cược, ký quỹ vô bình gas	2.907.354.061	3.679.650.960
	2.560.345.108.878	2.282.325.120.648
Trong đó		
Doanh thu nội bộ (giao dịch với các công ty con)	1.780.049.233.101	1.299.723.454.865
Doanh thu với đối tượng khác	780.295.875.777	507.606.354.248
	2.560.345.108.878	1.807.329.809.113

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã ghi nhận phần lãi công nợ phải thu vượt định mức đối với các công ty con mà Công ty sở hữu 100% vốn vào khoản mục "Doanh thu nội bộ" với số tiền là 5.799.117.549 đồng thay vì ghi nhận vào khoản mục "Doanh thu hoạt động tài chính" như quy định kế toán hiện hành. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản lãi nói trên đã được ghi nhận vào phần lãi tiền gửi, cho vay của khoản mục "Doanh thu hoạt động tài chính".

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	2.359.803.402.607	2.095.237.491.969
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.743.309.487	7.098.321.900
	2.370.546.712.094	2.102.335.813.869
Trong đó		
Giá vốn nội bộ (giao dịch với các công ty con)	1.780.049.233.101	1.299.723.454.865
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	590.497.478.993	802.612.359.004
	2.370.546.712.094	2.102.335.813.869

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí tiền lương, tiền công	50.769.946.835	53.556.089.082
Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì	13.234.647.125	10.202.481.211
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.231.135.242	17.439.491.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.437.473.631	47.278.516.716
Chi phí khác	17.381.013.937	22.830.133.366
	148.054.216.770	151.306.711.400

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.350.116.503	932.704.048
Cổ tức, lợi nhuận được chia	44.338.626.625	36.754.053.176
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	453.700.544
Doanh thu hoạt động tài chính khác	212.349.704	739.128.765
	52.901.092.832	38.879.586.533

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	18.326.085.375	9.200.958.816
Lỗ chênh lệch tỷ giá	26.363.533.236	11.870.530.311
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) đầu tư	13.561.750.008	(1.012.084.611)
Chi phí tài chính khác	11.925.898.084	475.947.860
	70.177.266.703	20.535.352.376

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Bán tài sản cho các công ty con	-	40.271.658.258
Hàng hóa thừa khi kiểm kê	6.368.925.110	-
Thu nhập khác	686.897.447	30.344.666
	7.055.822.557	40.302.002.924

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Bán tài sản cho các công ty con	-	40.271.658.258
Hàng hóa thiếu khi kiểm kê	402.999.781	-
Phạt vi phạm hợp đồng	9.465.563	206.474.070
Khác	464.329.322	519.824.086
	876.794.666	40.997.956.414

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	30.647.034.034	46.330.876.046
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(44.330.427.994)	(36.555.415.973)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	44.338.626.625	36.761.890.043
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	8.198.631	206.474.070
Thu nhập chịu thuế	(13.683.393.960)	9.775.460.073
Thu nhập hoạt động được ưu đãi	-	9.772.485.593
Thu nhập hoạt động không được ưu đãi	-	2.974.480
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế suất ưu đãi	25,0%	12,5%
Thuế suất thông thường	25,0%	25,0%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.222.304.318

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.472.547.085	151.872.520.736
Phải thu khách hàng (sau dự phòng)	90.930.375.392	113.483.171.997
Phải thu nội bộ ngắn hạn	223.290.293.970	217.208.131.339
Các khoản phải thu khác	7.039.621.111	7.603.390.237
Tổng cộng	366.732.837.558	490.167.214.309
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	125.089.303.377	184.809.106.560
Phải trả người bán	160.203.742.739	219.202.766.577
Chi phí phải trả	23.593.912.940	4.084.601.546
Tổng cộng	308.886.959.056	408.096.474.683

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Đô la Mỹ (USD)		Đồng tiền chung châu Âu (EURO)	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản tài chính				
Tiền	10.970.694	12.306.060	6.798.884	7.077.199
Tổng cộng	10.970.694	12.306.060	6.798.884	7.077.199
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	-	184.809.106.560	-	-
Phải trả người bán	318.520.616.893	218.977.115.277	-	-
Tổng cộng	318.520.616.893	403.786.221.837	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối năm kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	125.089.303.377	-	125.089.303.377
Phải trả người bán	160.203.742.739	-	160.203.742.739
Chi phí phải trả	23.593.912.940	-	23.593.912.940
31/12/2010	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	184.809.106.560	-	184.809.106.560
Phải trả người bán	219.202.766.577	-	219.202.766.577
Chi phí phải trả	4.084.601.546	-	4.084.601.546

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.472.547.085	-	45.472.547.085
Phải thu khách hàng	90.930.375.392	-	90.930.375.392
Phải thu nội bộ ngắn hạn	223.290.293.970	-	223.290.293.970
Các khoản phải thu khác	7.039.621.111	-	7.039.621.111
31/12/2010	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.872.520.736	-	151.872.520.736
Phải thu khách hàng	113.483.171.997	-	113.483.171.997
Phải thu nội bộ ngắn hạn	217.208.131.339	-	217.208.131.339
Các khoản phải thu khác	7.603.390.237	-	7.603.390.237

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.



Ngày 16 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng